

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2020 – 2021

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	90	0	7	23	60	7	0	0	75	8	7
	<i>Khối ngành VII</i>	90	0	7	23	60	7	0	0	75	8	7
-	Ngành Thông tin Thư viện	13	0	0	2	6	5	0	0	11	2	0
-	Ngành Bảo tàng học	5	0	0	1	4	0	0	0	4	1	0
-	Ngành Du lịch	15	0	1	3	12	0	0	0	13	1	1
-	Ngành Quản trị dịch vụ Du lịch lữ hành	15	0	2	7	8	0	0	0	13	0	2
-	Ngành Kinh doanh Xuất bản phẩm	6	0	1	1	5	0	0	0	4	1	1
-	Ngành Quản lý văn hoá	18	0	2	3	13	2	0	0	16	0	2

Biểu mẫu 20
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

-	Ngành Văn hoá học	14	0	1	5	9	0	0	0	11	2	1
-	Ngành Văn hoá các dân tộc thiểu số	4	0	0	1	3	0	0	0	3	1	0
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	14	0	0	1	12	1	0	0	14	0	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ	Tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
* Khối ngành VII							
<i>Ngành Thông tin Thư viện</i>							
1.	Cao Thanh	Phước	1962	Nam		Tiến sĩ	Khoa học thư viện
2.	Nguyễn Thị Hong	Thắm	1977	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học thư viện
3.	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	1970	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
4.	Quản Thị	Hoa	1967	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
5.	Nguyễn Mạnh	Kiên	1964	Nam		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
6.	Lê Thị Xuân	Thùy	1978	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
7.	Nguyễn Thanh	Tùng	1978	Nam		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
8.	Trần Thị Trà	Vi	1974	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học thư viện
9.	Lê Thị	Định	1979	Nữ		Cử nhân	Khoa học thư viện
10.	Nguyễn Hải	Gian	1979	Nam		Cử nhân	Khoa học thư viện

11.	Phan Thị Diệu	Hằng	1986	Nữ		Cử nhân	Khoa học thư viện
12.	Lê	Tôn	1982	Nam		Cử nhân	Khoa học thư viện
13.	Nguyễn Văn	Xuyên	1964	Nam		Cử nhân	Khoa học thư viện
Ngành Bảo tàng học							
14.	Bùi Thị Hồng	Loan	1973	Nữ		Tiến sĩ	Di sản văn hoá
15.	Nguyễn Thu	Hà	1978	Nữ		Thạc sĩ	Di sản văn hoá
16.	Phạm Lan	Hương	1975	Nữ		Thạc sĩ	Di sản văn hoá
17.	Nguyễn Đình	Thịnh	1982	Nam		Thạc sĩ	Di sản văn hoá
18.	Mai Thị Kiều	Trang	1973	Nữ		Thạc sĩ	Di sản văn hoá
Ngành Du lịch							
19.	Phạm Thị Thanh	Tâm	1954	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Du lịch học
20.	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1975	Nữ		Tiến sĩ	Du lịch học
21.	Nguyễn Đức	Tuấn	1974	Nam		Tiến sĩ	Du lịch học
22.	Lê Thế	Bắc	1982	Nam		Thạc sĩ	Du lịch học
23.	Phan Đình	Dũng	1968	Nam		Thạc sĩ	Du lịch học
24.	Trương Thị Mai	Hạnh	1975	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
25.	Nguyễn Thị	Huyền	1988	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
26.	Đỗ Thanh	Hương	1975	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
27.	Lê Hồ Quốc	Khánh	1961	Nam		Thạc sĩ	Du lịch học
28.	Nguyễn Thị	Ngọc	1978	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Handwritten signature

Biểu mẫu 20
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Minh						
29.	Chu Khánh	Linh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
30.	Nguyễn Thị Việt	Nga	1976	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
31.	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	1986	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
32.	Lê Anh	Tuấn	1981	Nam		Thạc sĩ	Du lịch học
33.	Lê Bá	Vương	1979	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch học
<i>Ngành Quản trị dịch vụ và Du lịch lữ hành</i>							
34.	Nguyễn Thế	Dũng	1962	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
35.	Lâm	Nhân	1974	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
36.	Huỳnh Mẫn	Đạt	1977	Nam		Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
37.	Nguyễn Thái	Hòa	1980	Nam		Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
38.	Trương Thùy	Hương	1965	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
39.	Mai Hà	Phương	1961	Nam		Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
40.	Lê Thị Thanh	Thủy	1971	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
41.	Đỗ Quốc	Giang	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
42.	Nguyễn Phúc	Hùng	1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
43.	Vũ Văn	Nam	1971	Nam		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành



44.	Trần Hữu	Nghĩa	1979	Nam		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
45.	Vũ Thị	Nhung	1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
46.	Trần Xuân	Sang	1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
47.	Nguyễn Thị Hồng	Sinh	1973	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
48.	Nguyễn Xuyên	Thoại	1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị DV&DL lữ hành
Ngành Kinh doanh Xuất bản phẩm							
49.	Đỗ Ngọc	Anh	1961	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
50.	Thái Thu	Hoài	1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
51.	Hoàng Thị	Ngân	1989	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
52.	Đặng Ngọc	Linh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
53.	Trần Thị	Quyên	1984	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
54.	Nguyễn Ngọc	Thanh	1980	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh xuất bản phẩm
Ngành Quản lý văn hoá							
55.	Nguyễn Xuân	Hồng	1956	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản lý văn hoá
56.	Huỳnh Văn	Tới	1959	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quản lý văn hoá
57.	Vũ Thị	Phương	1980	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý văn hoá
58.	Nguyễn Thị Phà	Ca	1976	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá

HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN AN

han

Biểu mẫu 20
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

59.	Huỳnh Công	Duẩn	1971	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
60.	Vũ Thị Bích	Duyên	1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
61.	Lê Hồng	Khanh	1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
62.	Lê Xuân	Khánh	1982	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
63.	Trịnh Đăng	Khoa	1975	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
64.	Lê Thị Vương	Nguyệt	1976	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
65.	Nguyễn Thị	Nhuận	1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
66.	Hoàng Thị	Nhung	1978	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
67.	Trương Thị Hồng	Nhung	1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
68.	Nguyễn Nam	Ninh	1981	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
69.	Nguyễn Hồ	Phong	1983	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
70.	Phạm Phương	Thùy	1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
71.	Nguyễn Ngọc	Lâm	1962	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
72.	Nguyễn Thị Thu	Trang	1964	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá
Ngành Văn hoá học							
73.	Trần Hoài	Anh	1958	Nam	PGS	Tiến sĩ	Văn hoá học
74.	Nguyễn	Đệ	1963	Nam		Tiến sĩ	Văn hoá học
75.	Đào Đồng	Điện	1980	Nam		Tiến sĩ	Văn hoá học
76.	Nguyễn Ái	Học	1962	Nam		Tiến sĩ	Văn hoá học
77.	Đậu Thị Ánh	Tuyết	1960	Nữ		Tiến sĩ	Văn hoá học
78.	Cao Nguyễn Ngọc	Anh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học

79.	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	1987	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
80.	Nguyễn Thanh	Hải	1981	Nam		Thạc sĩ	Văn hoá học
81.	Lưu Thu	Huyền	1976	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
82.	Đặng Thị Kiều	Oanh	1984	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
83.	Trần Lâm Kim	Phượng	1989	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
84.	Lê Thị Hồng	Quyên	1979	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
85.	Trần Hoàng	Thái	1982	Nam		Thạc sĩ	Văn hoá học
86.	Lê Thị Thanh	Tâm	1983	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
Ngành Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam							
87.	Nguyễn Thị	Nguyệt	1965	Nữ		Tiến sĩ	Văn hoá dân tộc thiểu số
88.	Hứa Sa	Ni	1972	Nam		Thạc sĩ	Văn hoá dân tộc thiểu số
89.	Chu Phạm Minh	Hằng	1986	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá dân tộc thiểu số
90.	Nguyễn Thị Thạch	Ngọc	1983	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá dân tộc thiểu số

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành VII	2.450 SV/131 Hệ số GV = 18,70 SV/Hệ số GV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thế Dũng